

Giới thiệu (イントロダクション)

GIA ĐÌNH VIỆT NAM TRONG THỜI KỲ CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA VÀ HỘI NHẬP QUỐC TẾ (工業化・近代化、国際参入期におけるベトナムの家族)

Teramoto Minoru (寺本 実)¹

TÓM TẮT (要旨) :

Việt Nam đã quyết định áp dụng “chủ trương Đổi Mới” ở cuối năm 1986. Từ thời điểm này, Việt Nam bắt đầu đẩy mạnh một cách chính thức sự thay đổi từ cơ chế kinh tế kế hoạch hóa tập trung quan liêu, bao cấp đến kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Từ giữa những năm 1990, Việt Nam đẩy mạnh “Công nghiệp hóa, hiện đại hóa” và từ quý thứ 2 năm 2001 thì bắt đầu đẩy mạnh “Hội nhập kinh tế quốc tế.” Sau khi Hiệp định thương mại Việt-Mỹ có hiệu lực ở tháng 12 năm 2001, Việt Nam đã tham gia Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) ở tháng 1 năm 2007. Với công nghiệp hóa, hiện đại hóa, gia đình Việt Nam đối mặt với những tình trạng như ít con hơn, quy mô gia đình nhỏ đi, khả năng chăm sóc thành viên gia đình giảm đi v.v.. Báo cáo này nghiên cứu về sự thay đổi, động thái của gia đình Việt Nam, chiến lược phát triển gia đình Việt Nam trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế dựa vào việc xem xét lại kết quả điều tra trước của các tác giả, giải mã chính sách của chính phủ và phân tích tài liệu thứ cấp.

1986年12月にドイモイ路線が正式に採択されて以降、ベトナムでは国家丸抱えの計画経済に基づく経済運営から、市場経済に基づく経済運営への転換が図られ、1990年代半ばからは工業化・近代化が推進されている。そして、2001年第2四半期以降、国際経済参入が正式に推し進められてきた。こうした流れのなかでベトナムの家族を取り巻く環境は大きく変化しており、少子化、家族規模の縮小、家族の子供に対する教育・社会化機能の低下傾向などが指摘されている。本報告書では各執筆者の手元の調査結果、公的文書、二次文献に基づいて、工業化・近代化・国際参入期におけるベトナムの家族の変容・動態、家族発展戦略について考察する。

NHỮNG TỪ KHÓA (キーワード) :

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa (工業化、近代化), Hội nhập quốc tế (国際参入), Gia đình (家族), Người có tuổi (年配者), Di cư (移民), Hôn nhân (結婚), Đồng bằng sông Hồng (紅河デルタ), Đồng bằng sông Cửu Long (メコンデルタ), Đông nam bộ (東南部), Chiến lược phát triển gia đình (家族発展戦略)

¹ Nghiên cứu viên, Viện nghiên cứu kinh tế châu Á (Institute of Developing Economies, JETRO)

1. MỞ ĐẦU

Việt Nam đã quyết định áp dụng “chủ trương Đổi Mới” ở cuối năm 1986. Từ thời điểm này, Việt Nam bắt đầu đẩy mạnh một cách chính thức sự thay đổi từ cơ chế kinh tế kế hoạch hóa tập trung quan liêu, bao cấp đến kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Từ giữa những năm 1990, Việt Nam đẩy mạnh “Công nghiệp hóa, hiện đại hóa” và từ quý thứ 2 năm 2001 thì bắt đầu đẩy mạnh “Hội nhập kinh tế quốc tế.” Sau khi Hiệp định thương mại Việt-Mỹ² có hiệu lực ở tháng 12 năm 2001, Việt Nam đã tham gia Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) ở tháng 1 năm 2007. Ở năm 2008 Việt Nam đã trở thành một nước thu nhập trung bình. Hiện nay, Việt Nam tiếp tục cố gắng để cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại.

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa là một vấn đề trụ cột cho hội nhập kinh tế quốc tế. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa bắt buộc phải kèm theo sự thay đổi xã hội. Điều đó cũng ảnh hưởng đối với gia đình mà là yếu tố cơ cấu cơ bản nhất trong nhà nước và xã hội. Với công nghiệp hóa, hiện đại hóa, gia đình Việt Nam phải đối mặt với những tình trạng như ít con hơn, quy mô gia đình nhỏ đi, khả năng chăm sóc thành viên gia đình giảm đi, mâu thuẫn giữa các thế hệ xảy ra v.v.. Và vấn đề như việc lựa chọn giới tính khi sinh con, vị thành niên và thanh niên vi phạm pháp luật, xung đột gia đình, ly hôn cũng tăng lên.

Trong thời kỳ như thế, Thủ tướng Chính phủ quyết định phê duyệt “Chiến lược phát triển gia đình Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn 2030” ở ngày 29 tháng 5 năm 2012 (sau đây, gọi tắt là “Chiến lược phát triển gia đình”). Chiến lược này nghĩ rằng “gia đình là tế bào của xã hội” và cũng là môi trường quan trọng liên quan với việc như sau: (1) hình thành, nuôi dưỡng và giáo dục nhân cách; (2) bảo tồn và phát huy văn hóa truyền thống tốt đẹp; (3) chống lại các tệ nạn xã hội; (4) tạo nhân lực phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Vì thế, theo Chiến lược này, “gia đình” ở Việt Nam là nơi đào tạo thành viên (nhân cách, năng lực v.v.) để giữ văn hóa truyền thống tốt đẹp, chống lại các tệ nạn xã hội và phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc.

Ở Nhật Bản, sự hình thành của xã hội công nghiệp hiện đại và tăng trưởng kinh tế cao sau chiến tranh thế giới thứ II làm xảy ra tình trạng như việc giảm tỷ lệ sinh, già hóa dân số, giảm khả năng của gia đình để chăm sóc thành viên gia đình như người già và thay đổi tính quan hệ giữa thành viên gia đình v.v.. Việc Quốc hội Nhật Bản đã thông qua Luật Bảo hiểm Chăm sóc ở tháng 12 năm 1997 (Có hiệu lực từ năm 2000) là một phương pháp để đối phó tình trạng như thế (Teramoto Minoru.2015).

² Hiệp định thương mại Việt-Mỹ được ký kết ở tháng 7 năm 2000.

Ở Việt Nam, hậu quả chiến tranh vẫn còn. Nhưng sau khi áp dụng “chủ trương Đổi Mới”, kinh tế Việt Nam tiếp tục phát triển. Hiện nay Việt Nam đang đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập quốc tế. Thời điểm này, xu hướng này yêu cầu quan tâm đến tình trạng và sự thay đổi, động thái của gia đình Việt Nam, nguyên nhân và cơ chế của nó.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Một mục đích đã thành lập nhóm nghiên cứu lần này là việc chuẩn bị để triển khai hoạt động khảo sát, nghiên cứu về gia đình Việt Nam trong những năm sắp tới. Vì thế, phương pháp nghiên cứu trong giai đoạn này cơ bản là việc xem xét lại kết quả điều tra trước của các thành viên của nhóm nghiên cứu này, giải mã chính sách của chính phủ và phân tích tài liệu thứ cấp. Thông qua công việc của niên độ này (từ tháng 4 năm 2015 đến tháng 3 năm 2016), chúng tôi định tạo cơ sở cho công cuộc nghiên cứu tiếp theo.

3. CÁC CÔNG TRÌNH TRƯỚC CÓ LIÊN QUAN

Tại mục 3 này, xem xét các công trình trước theo thứ tự như sau. (1) Các công trình trước trong thời kỳ sau khi tham gia WTO, (2) Các công trình trước trong thời kỳ trước và sau khi gia nhập WTO, và (3) Một số công trình trước của các thành viên của nhóm nghiên cứu lần này³.

Trên thực tế, số lượng công trình về gia đình Việt Nam rất lớn⁴. Vì khả năng của tác giả bài viết và thời gian có hạn chế nên việc xem xét các công trình trước lần này không bao giờ đầy đủ. Xin độc giả lưu ý đến việc này.

3.1 Các công trình trước trong thời kỳ sau khi tham gia WTO

Trước hết, xem xét các công trình trong những năm gần đây trực tiếp liên quan với sự nghiên cứu của chúng tôi.

Nguyễn Đức Chiện, 2013 là bài nghĩ đến sự tác động của “quá trình hiện đại hóa” đối với gia đình Việt Nam. Dựa vào nguồn tài liệu thứ cấp, tác giả phân tích tình trạng ở bốn lĩnh vực như sinh đẻ và chăm sóc sức khỏe, kinh tế, giáo dục và thỏa mãn nhu cầu tình cảm cho thành viên gia đình. Bài này giúp hiểu tình trạng gia đình Việt Nam và môi trường xung quanh gia đình Việt Nam hiện nay. Và Teramoto Minoru, 2012 là một nghiên cứu trường hợp nghĩ đến quan hệ giữa sinh kế của người khuyết tật và điều kiện cuộc sống ở Việt Nam dựa vào khảo sát thực địa.

³ Công trình trước được xem xét tại đây chủ yếu là công trình bằng tiếng Việt.

⁴ Ví dụ, xin độc giả xem các báo trích dẫn của các chương.

Hai bài trên cho biết sự cần thiết của một công cuộc nghiên cứu xứng đáng về gia đình Việt Nam trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới, 2014 là một phần giới thiệu các kết quả nghiên cứu về gia đình Việt Nam trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Công cuộc nghiên cứu này có liên quan với đề tài cấp Bộ “Hệ giá trị gia đình Việt Nam dưới góc nhìn xã hội học” mà Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới chủ trì thực hiện. Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới, 2014 bao gồm hai phần. Thứ nhất là “Lý thuyết và phương pháp nghiên cứu về giá trị gia đình.” Thứ hai là “Nghiên cứu thực nghiệm về giá trị gia đình.”

3.2 Các công trình trước trong thời kỳ trước và sau khi gia nhập WTO

Tiếp theo, xem xét một số các công trình trước trong thời kỳ trước và sau khi gia nhập WTO.

Vũ Tuấn Anh, Nguyễn Xuân Mai, 2007 là một công việc với quy mô lớn của Viện Khoa học xã hội Việt Nam. Quyển sách này phân tích thực trạng kinh tế - xã hội của hộ gia đình Việt Nam dựa vào cuộc điều tra về hộ gia đình Việt Nam ở năm 2004. Tổng số hộ điều tra là 16.453 hộ với 64.923 nhân khẩu trên toàn quốc.

Nguyễn Hữu Minh, Trần Thị Vân Anh, 2009 là quyển sách tập hợp các bài có liên quan với “gia đình và giới ở Việt Nam.” Trong bối cảnh của quyển sách này có sự nhận thức của Viện Gia đình và giới như sau: “Sau 20 năm tiến hành công cuộc đổi mới, Việt Nam đã có những thay đổi toàn diện và sâu sắc trong tất cả mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, trong đó có các mối quan hệ giới, gia đình, vị trí và vai trò của người phụ nữ Việt Nam.”

3.3 Một số công trình trước của các thành viên của nhóm nghiên cứu lần này

Cuối cùng, xin giới thiệu một số công trình trước của các thành viên của nhóm nghiên cứu chúng tôi⁵.

Phạm Văn Bích, 1999 là một quyển sách bằng tiếng anh mà nghiên cứu về sự thay đổi của gia đình hạt nhân, nhất là sự thay đổi của tính quan hệ giữa thành viên ở đồng bằng sông Hồng trong thời kỳ 1945-1995. Và trong Mai Huy Bích⁶, 2010, tác giả Phạm Văn Bích nghĩ lại về tình trạng đồng bằng sông Hồng trong thời kỳ 1945-1992.

Iwai Misaki, 1995 là bài xem xét sự thay đổi của gia đình, dòng họ ở Việt Nam từ trước thời kỳ Đổi mới đến thời kỳ Đổi mới từ góc độ quan hệ xã hội như “quan hệ giữa phụ nữ và gia đình”. Iwai Misaki, 2010 là bài nghĩ đến di dân có tổ chức bắc-nam sau năm 1975. Trong đó, tác

⁵ Tác giả bài viết xin nhắc lại rằng vì khả năng của tôi và thời gian có hạn chế nên phạm vi liệt kê và xem xét các công trình trước lần này chưa đủ. Xin độc giả lưu ý đến việc này.

⁶ Tên khác của Ông Phạm Văn Bích.

giả Iwai Misaki nêu ra rằng trong chính sách di cư như “Quyết định của Hội đồng Chính phủ số 95 về chính sách xây dựng các vùng kinh tế mới (Ngày 27 tháng 3 năm 1980)”, Chính phủ Việt Nam coi trọng vai trò của gia đình. Và trong quá trình thích ứng với môi trường mới, gia đình di cư đã biến chuyển tùy theo tình hình.

Bùi Thế Cường, 1999 là bài nghĩ đến sự hình thái sắp xếp gia đình (Cụ thể là người già sống ở bên con trai hay là bên con gái). Trong đó, tác giả Bùi Thế Cường phát hiện ra rằng “phía Bắc nghiêng nhiều hơn về đặc tính văn hóa Đông Á (định hướng đẳng nội), trong khi phía Nam nghiêng nhiều hơn về đặc tính văn hóa Đông Nam Á (định hướng gia đình song phương) .” Tức là tỷ lệ người già sống với gia đình con trai giảm dần từ phía Bắc xuống phía Nam. Dựa vào kết quả này, tác giả Bùi Thế Cường suy đoán rằng “văn hóa Đông Nam Á ở người Việt là cơ tầng sâu xa nhất.” Tác giả Bùi Thế Cường cũng viết một quyển sách như Bùi Thế Cường, 2005. Bùi Thế Cường, 2005 là quyển sách nghĩ đến cuộc sống của người cao tuổi ở Việt Nam trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa

Teramoto Minoru, 2014 là một nghiên cứu trường hợp đã xem xét sinh kế của người khuyết tật ở Việt Nam. Trong đó, tác giả nhấn mạnh tầm quan trọng của vai trò, chức năng của gia đình đối với sinh kế của người khuyết tật ở Việt Nam. Và Teramoto Minoru, 2015 là bài giới thiệu kinh nghiệm của gia đình Nhật Bản hiện đại như số lượng gia đình hạt nhân tăng lên, ít con hơn, già hóa dân số dựa vào một quyển sách mà tác giả là Tominaga Kenichi.

4. NỘI DUNG CỦA QUYỀN BÁO CÁO NÀY

Quyển sách này bao gồm 5 chương. Mục đích của chương này và chương 1 là việc chuẩn bị một lối vào chung để suy nghĩ về gia đình Việt Nam trong quyển sách này⁷. Và **chương 2, chương 3, chương 4 là luận án độc lập mà mỗi tác giả tự cố gắng viết và giá trị của nó thuộc vào khả năng, sự nỗ lực và đầu tư của mỗi tác giả.**

Xin giới thiệu các chương như sau.

Chương 1 là một bài của Teramoto Minoru. Bài này là bài xem xét nội dung của chiến lược phát triển gia đình Việt Nam hiện nay.

Chương 2 là bài của tác giả Bùi Thế Cường. Dựa trên bộ số liệu cuộc khảo sát vùng kinh tế trọng điểm phía Nam năm 2015, bài viết phác họa vài nét cuộc sống của người có tuổi ở Đông Nam Bộ hẹp (không bao gồm Thành phố Hồ Chí Minh). Trước hết, bài viết mô tả vùng Đông Nam Bộ và trình bày đặc điểm của mẫu khảo sát cũng như mẫu phân tích. Tiếp theo, phân tích một số khía cạnh trong cuộc sống của người có tuổi ở vùng này, bao gồm hoàn cảnh kinh tế,

⁷ Cá nhân tác giả bài viết quan tâm đến quan hệ giữa gia đình và phúc lợi ở Việt Nam.

thay đổi đời sống trong 15 năm qua, sự hài lòng với cuộc sống gia đình, dự định trong 5 năm tới, và niềm tin vào thăng tiến của con.

Chương 3 là bài của tác giả Phạm Văn Bích. Bài này suy nghĩ về chủ đề nơi cư trú sau hôn nhân của cặp vợ chồng trẻ ở đồng bằng sông Hồng. Dựa trên cơ sở xem xét lại nguồn tài liệu thứ cấp một cách kỹ lưỡng, bài viết kết luận rằng mô hình cư trú ở nhà chồng sau khi kết hôn chiếm đa số, nhưng “ngay hôn nhân ở nhà chồng cũng không chỉ tồn tại ở nguyên dạng thuần túy, mà còn hai biến thể nhỏ nữa: theo thời gian và theo không gian.” Tác giả Phạm Văn Bích cũng bàn thêm về ảnh hưởng của Khổng giáo đối với hôn nhân ở nhà chồng tại Việt Nam.

Chương 4 là bài của tác giả Iwai Misaki. Bài này tìm hiểu mối quan hệ gia đình trong di cư dây chuyền (chain migration) và hôn nhân hỗn hợp (hybrid couple) Bắc-Nam ở một xã kinh tế mới ở đồng bằng sông Cửu Long. Trong công trình nghiên cứu này, tác giả Iwai Misaki nêu ra rằng trong quá trình di cư và thích nghi với môi trường mới và khó khăn, thì mạng lưới không theo đường bố (non-paternal network), tức là theo bên vợ, con gái, chị em gái đóng một vai trò cực kỳ quan trọng.

Cuối cùng, ấn phẩm này muốn được coi là một đóng góp thiết thực cho Việt Nam, người Việt Nam, người quan tâm đến Việt Nam và giáo lưu giữa Việt Nam và Nhật Bản, Nhật Bản và Việt Nam.

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

Bùi Thế Cường .1999. Bản sắc văn hóa Việt nhìn từ góc độ sắp xếp gia đình. *Tạp chí Xã hội học* Số 2 (66), 1999.

Bùi Thế Cường. 2005. Trong miền an sinh xã hội: Nghiên cứu về già Việt Nam, Nhà xuất bản Đại học quốc gia Hà Nội.

Mai Huy Bích. 2010. *Xã hội học gia đình*, Nhà xuất bản khoa học xã hội.

Nguyễn Đức Chiện. 2013. Hiện đại hóa và vấn đề đặt ra với chức năng cơ bản của gia đình Việt Nam hiện nay. *Tạp chí Xã hội học* Số 4 (124), 2013.

Nguyễn Hữu Minh, Trần Thị Vân Anh. 2009. *Nghiên cứu gia đình và giới thời kỳ đổi mới*. Nhà xuất bản khoa học xã hội.

Pham Van Bich.1999. *The Vietnamese Family in Change*, CURZON.

Teramoto Minoru. 2012. Sinh kế của người khuyết tật tại Việt Nam: Thông qua quân điểm “Quan hệ giữa người khuyết tật và môi trường xung quanh,” Bài đề xuất cho *Hội thảo quốc tế Việt Nam học lần thứ tư*, ngày 26-28 tháng 11 năm 2012.

Teramoto Minoru. 2014. Quan hệ giữa người khuyết tật và điều kiện cuộc sống xung quanh: nghiên cứu trường hợp tại một thị trấn ở tỉnh Hà Nam. *Tạp chí Khoa học xã hội Thành phố Hồ*

Teramoto Minoru, Bùi Thế Cường, Phạm Văn Bích, Iwai Misaki, *Gia đình Việt Nam trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập quốc tế*, Viện nghiên cứu kinh tế châu Á (IDE-JETRO)

Chí Minh Số 7 (191) 2014.

Teramoto Minoru. 2015. Kinh nghiệm từ xã hội già hóa của Nhật Bản qua sách của Tominaga Kenichi. *Tạp chí Khoa học xã hội Thành phố Hồ Chí Minh* Số 2 (198)2015.

Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới 2014. *Nghiên cứu Gia đình & Giới Quyển 24 Số 4, 2014*, Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới.

Vũ Tuấn Anh, Nguyễn Xuân Mai. 2007. *Những biến đổi kinh tế-xã hội của hộ gia đình*. Nhà xuất bản khoa học xã hội.

Iwai Misaki. 1995. Kazoku to syakaisyugi [Family and Socialism] In Sakurai Yumio ed. *Motto sirtiai Betonamu*. Koubundou.

Iwai Misaki. 2010. Di dân có tổ chức bắc-nam sau năm 1975: sự thành lập cộng đồng dân cư pha trộn bắc-nam ở một xã vùng kinh tế mới. Iwai Misaki- Bùi Thế Cường (chủ biên) *Kỷ yếu tọa đàm Di dân ở Việt Nam trong thời kỳ hiện đại hóa, công nghiệp hóa*. Nhà xuất bản khoa học xã hội.